TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG HỶ **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ N VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 26 /2022/QĐST-HNGĐ	*Đồng Hỷ, ngày 13 tháng 4 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG HỶ, TỈNH THÁI NGUYÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Mai Thị Hồng Thái
- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Nguyễn Thị Nguyệt
  2. Bà Nguyễn Thị Bích Hường
- *Thư ký phiên tòa*: Ông Lưu Mạnh Hùng – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa:* Bà Ma Thị Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện H, tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân sơ thẩm thụ lý số 144/2021/TLST - HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2021 về việc Tranh chấp Hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2022/QĐXX-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2022.
- Căn cứ vào các Điều 212, 213, 235, 246, 482, 483 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào Điều 51, 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

***** Nguyên đơn: **Ông Nguyễn Lưu N**, sinh năm 1975;
HKTT và trú tại: Xóm V, xã P, thị xã Y, tỉnh Thái Nguyên

* Bị đơn: **Bà Dương Thị Kim T**, sinh năm 1975;
HKTT và trú tại: Xóm G, xã S, huyện H, tỉnh Thái Nguyên.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa Ông Nguyễn Lưu N và bà Dương Thị Kim T.

- Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau: Con chung Nguyễn Thị Mai L, sinh ngày 23/7/2001 Hiện đã trưởng thành, không giải quyết. Bà Dương Thị Kim T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Nguyễn Quỳnh M, sinh ngày 02/5/2012 đến khi con trưởng thành(đủ 18 tuổi) hoặc đến khi các bên có sự thay đổi khác.

**Về cấp dưỡng nuôi con:* Ông Nguyễn Lưu N cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Quỳnh M 1.500.000 đồng/ tháng(Một triệu năm trăm nghìn đồng) đến khi con trưởng thành(đủ 18 tuổi). Thời điểm cấp dưỡng nuôi con tính từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật, bà T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông N không tự nguyện thi hành khoản tiền cấp dưỡng nuôi con nói trên thì hàng tháng ông N còn phải chịu khoản tiền lãi do chậm thực hiện N vụ trả tiền theo quy định Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 về lãi suất trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

** Quyền đi lại thăm nom con chung:* Ông Nguyễn Lưu N có quyền, N vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng cho con chung;

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông N và bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Án phí: Ông Nguyễn Lưu N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con nộp vào Ngân sách Nhà nước, được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005162 ngày 07/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Thái Nguyên. Ông N còn phải nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con nộp vào Ngân sách Nhà nước.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án án dân sự, người phải

thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TN;
- VKSTPTN;
- THADSTPTN;
- UBND nơi ĐKKH(năm 1999) Xã P, Y, Thái Nguyên;
- Các đ- ơng sự
- L- u hồ sơ.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà
(Đã ký)